

Bản án số: 303/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 10 năm 2024.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thành; Ông Lê Đức Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Anh - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 168/2024/TLST-HNGĐ ngày 25/6/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 192/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1987, địa chỉ: Khu H, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** Anh Trương Văn C, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang, hiện đang lao động tại Đài Loan không rõ địa chỉ cụ thể, (vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Giáp Thị H1, sinh năm 1953, địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2024, tại biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu H trình bày:** Chị và anh Trương Văn C đăng ký kết hôn ngày 18/6/2018 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn vợ chồng có tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục truyền thống. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống với nhau ngay tại gia đình anh C ở thôn B, xã B,

huyện L, tỉnh Bắc Giang, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Năm 2018, sau khi chị sinh con, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xích mích cãi cọ, không có tiếng nói chung. Chị đã về nhà mẹ đẻ ở Phú Thọ từ năm 2019, anh C cũng đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau và tách biệt về kinh tế.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là Trương Bảo T, sinh ngày 22/12/2018, hiện nay con đang ở với bố và mẹ chồng chị. Khi ly hôn chị đề nghị giao con chung cho bố và bà nội là bà Giáp Thị H1 nuôi dưỡng do hoàn cảnh của chị khó khăn, không có điều kiện về nơi ở và kinh tế. Về cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị còn một con riêng là cháu Hoàng Ngọc Bảo A sinh từ trước khi kết hôn với anh C không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Giáp Thị H1 trình bày:*** Bà là mẹ đẻ của anh C. Anh C hiện đang sinh sống làm việc ở Đài Loan nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể do anh C không nói cho bà biết, bà vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại với anh C. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án thay cho anh C, bà cam đoan sẽ thông báo toàn bộ nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh C. Bà được anh C trao đổi như sau: Anh C đồng ý ly hôn chị H, đồng ý nuôi con chung là cháu Trương Bảo T nhưng nhờ bà trông nom nuôi dưỡng trong thời gian anh C ở nước ngoài, anh C đồng ý gửi tiền cho bà nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Vợ chồng chị H, anh C kết hôn năm 2018, vợ chồng có 01 con chung là Trương Bảo T, sinh ngày 22/12/2018, sau khi kết hôn sinh con một thời gian thì chị H bỏ đi, từ năm 2022 anh C đi lao động ở nước ngoài nên con chung Trương Bảo T do bà chăm sóc nuôi dưỡng. Hàng tháng anh C vẫn gửi tiền về cho bà nuôi con còn chị H không chu cấp và không thăm nom con. Trường hợp chị H và anh C ly hôn thì đề nghị Tòa án giao con cho anh C nuôi dưỡng, bà đồng ý chăm sóc nuôi dưỡng cháu T trong thời gian anh C ở nước ngoài.

- Tòa án đã tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho anh Trương Văn C do bà Giáp Thị H1 là mẹ đẻ của anh Trương Văn C nhận thay cũng như niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, nhưng anh C không đến Tòa án làm việc hay cung cấp văn bản ý kiến cho Tòa án.

*** *Tài liệu Tòa án thu thập được:*** Tại biên bản xác minh ông Lương Văn H2 - Trưởng thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang cung cấp như sau: Hiện tại anh C đi lao động tại Đài Loan, địa chỉ cụ thể địa phương cũng không nắm rõ, thỉnh

thoảng anh C có về nhà, hiện tại anh C và chị H có một con chung đang do bố mẹ anh C là bà Giáp Thị H1 nuôi dưỡng. Ngoài ra địa phương không biết được thông tin gì khác.

- Ngày 26/9/2024, Tòa án mở phiên tòa nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án hoãn phiên tòa.

- Tại phiên tòa hôm nay bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiếp tục vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn, chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thu H và xử cho chị Hoàng Thị Thu H được ly hôn anh Trương Văn C. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Trương Bảo T, sinh ngày 22/12/2018 cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng, nhưng tạm giao cho bà Giáp Thị H1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh C về nước sinh sống. Về án phí: Chị Hoàng Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu H là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại khu H, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với anh Trương Văn C. Bị đơn anh Trương Văn C là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại nước ngoài (nước Đài Loan) không rõ địa chỉ. Quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Qua xác minh tại gia đình và địa phương, hiện tại anh C đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang, hiện anh C đi làm ăn tại Đài Loan không có mặt tại địa phương. Tòa án có văn bản xác minh thông tin của anh C và được Cục Q Bộ C1 cung cấp anh C có 9 lượt xuất cảnh, lần xuất cảnh gần nhất ngày 17/4/2022, hiện chưa có thông tin

nhập cảnh. Tòa án có Quyết định cung cấp chứng cứ yêu cầu gia đình anh C cung cấp địa chỉ của anh C nhưng gia đình anh C không cung cấp được địa chỉ của anh C. Anh C đi làm ăn ở Đài Loan không có mặt tại địa phương và không thông báo địa chỉ cho chị H và gia đình biết là cô tình giấu địa chỉ. Tòa án đã giao toàn bộ giấy tờ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Gia đình anh C đã thông báo nội dung các văn bản Tòa án cho anh C được biết. Như vậy xác định anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thu H và anh Trương Văn C, kết hôn ngày 18/6/2018, tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa chị H và anh C là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quá trình chung sống của vợ chồng giữa chị H và anh C thì thấy: Sau khi kết hôn chị H và anh C về chung sống với nhau ngay tại gia đình anh C, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Năm 2018 chị H và anh C bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xích mích cãi cọ, không có tiếng nói chung. Chị H về nhà mẹ đẻ ở Phú Thọ từ năm 2019, anh C đi lao động tại Đài Loan năm 2022, chị H và anh C ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau và tách biệt về kinh tế. Đến nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án xử cho chị H được ly hôn với anh C. Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng anh C không có mặt để tham gia hòa giải và không có mặt để tham gia các phiên tòa xét xử. Như vậy xác định anh C không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về nuôi con chung: Chị H và anh C có 01 con chung là cháu Trương Bảo T, sinh ngày 22/12/2018. Hiện nay cháu T đang sinh sống cùng bà nội (bà Giáp Thị H1) chăm sóc nuôi dưỡng, anh C chu cấp tiền nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị H đề nghị: Giao cháu T cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H1 đồng ý nuôi dưỡng cháu T trong thời gian anh C ở nước ngoài, anh C tuy không có quan điểm

gửi cho Tòa án nhưng cũng có nói với bà H1 là đồng ý nuôi con, đồng ý giao con cho bà H1 chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian anh C ở nước ngoài.

Xét yêu cầu giao chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị H thì thấy: Chị H đề nghị giao nuôi con chung sau khi ly hôn cho anh C, tuy nhiên, anh C hiện đang lao động tại nước ngoài nên không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Thực tế bà H1 là mẹ đẻ anh C đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Cháu T phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ. Ngoài ra, bà H1 cũng đồng ý nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của chị H, anh C trong thời gian anh C đi lao động ở nước ngoài. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu giao nuôi con chung của chị H là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung và phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 104 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H, anh C, bà H1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[7]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H, anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Chị Hoàng Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84, 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 238, 271, 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thu H được ly hôn anh Trương Văn C.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Trương Bảo T, sinh ngày 22/12/2018 cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Bà Giáp Thị H1 có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng cháu T trong thời gian anh C vắng nhà.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001331, ngày 24/6/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Hoàng Thị Thu H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

- Chị Hoàng Thị Thu H, bà Giáp Thị H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

- Anh Trương Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Thanh Hảo